

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Quyết định số 2244/QĐ-TTg ngày 13/10/2025
của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả
của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với
phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh An Giang**

Căn cứ Quyết định số 2244/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với phát triển kinh tế - xã hội;

Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 2244/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai đồng bộ, thống nhất Quyết định số 2244/QĐ-TTg, bảo đảm thực hiện Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp quy định Trung ương và điều kiện thực tiễn của tỉnh.

- Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành trong tổng hợp, thu thập, cung cấp và cập nhật thông tin, dữ liệu phục vụ tính toán các nhóm chỉ tiêu.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; sử dụng kết quả đánh giá làm căn cứ cho công tác chỉ đạo, điều hành và xây dựng chiến lược, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế – xã hội.

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương; thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số và chính quyền số

2. Yêu cầu

- Việc triển khai phải được thực hiện đúng chức năng, thẩm quyền và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị; bảo đảm sự thống nhất trong chỉ đạo và xuyên suốt từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở; tuân thủ đầy đủ nội dung, phạm vi và phương pháp đánh giá theo Quyết định số 2244/QĐ-TTg và các hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Tăng cường phối hợp liên ngành, bảo đảm chia sẻ thông tin giữa các sở, ngành, đơn vị và địa phương.

- Gắn việc triển khai Quyết định số 2244/QĐ-TTg với nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh, nâng cao chất lượng dự báo, tham mưu, hoạch định

chính sách cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

(Theo Phụ lục phân công giao nhiệm vụ kèm theo)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Là cơ quan đầu mối, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 2244/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương:

- Tăng cường ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Tập trung theo dõi, đôn đốc các sở, ngành đẩy mạnh thực hiện và thu thập các chỉ tiêu có mã số là: 0209, 0210, 0407, 0408, 0409, 0410, 0411, 0412 (đây là các tiêu chí do UBND tỉnh phối hợp với các bộ, ngành cung cấp cho Bộ Khoa học và Công nghệ).

- Vận dụng Bộ tiêu chí ban hành theo Quyết định số 2244/QĐ-TTg để đánh giá hiệu quả của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với đặc thù của ngành, lĩnh vực, địa phương.

- Xây dựng, triển khai hệ thống thông tin phục vụ tổng hợp, theo dõi, đôn đốc, báo cáo theo đúng nội dung, đúng biểu mẫu và đúng chế độ báo cáo theo quy định.

c) Chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp thông tin, dữ liệu phục vụ tính toán các chỉ tiêu sau:

- Số lượng hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được đăng ký và cấp phép (mã số 0209): là tổng số hợp đồng chuyển giao công nghệ của tổ chức, cá nhân Việt Nam được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ và cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ trong kỳ báo cáo.

- Giá trị các hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được đăng ký (mã số 0210): Là tổng số tiền ghi trong các hợp đồng chuyển giao công nghệ trong kỳ báo cáo. Lưu ý rằng giá trị ghi trong hợp đồng thường là giá trị thanh toán cho toàn bộ thời gian có hiệu lực của hợp đồng, không phải là giá trị thực hiện trong kỳ báo cáo.

- Doanh thu từ dịch vụ trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (mã số 0407): là tổng số giá trị doanh thu từ các hoạt động dịch vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong kỳ báo cáo.

- Tỷ lệ lao động làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (mã số 0408):

là tỷ lệ phần trăm giữa tổng số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp và tổ chức dịch vụ trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong kỳ báo cáo so với tổng số lao động của cả nước.

- Tỷ lệ đơn vị hành chính áp dụng hệ thống giám sát, quản lý thông minh (mã số 0410): là tỷ lệ phần trăm giữa số đơn vị hành chính áp dụng hệ thống giám sát, quản lý thông minh so với tổng số đơn vị hành chính trong kỳ báo cáo.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tổng hợp thông tin, dữ liệu phục vụ tính toán các chỉ tiêu được phân công; xây dựng báo cáo đánh giá hiệu quả, báo cáo UBND tỉnh **trước ngày 10 tháng 4 hằng năm** theo quy định.

đ) Phối hợp với các cơ quan thông tin, truyền thông tăng cường phổ biến, công khai kết quả đánh giá, nâng cao nhận thức xã hội.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì thu thập, tổng hợp thông tin, dữ liệu phục vụ tính toán chỉ tiêu Tỷ lệ người dân được tiếp cận cơ hội học tập suốt đời (mã số 0409): là chỉ tiêu phản ánh mức độ người trưởng thành tham gia các hình thức học tập đa dạng, linh hoạt (đặc biệt thông qua các nền tảng số và nguồn học liệu mở) trong suốt cuộc đời, so với tổng dân số độ tuổi trưởng thành trong kỳ báo cáo.

3. Sở Văn hóa và Thể thao

Chủ trì thu thập, tổng hợp thông tin, dữ liệu phục vụ tính toán các chỉ tiêu sau:

- Mức độ số hóa tài nguyên văn hóa dân tộc (mã số 0411): là chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động chuyển đổi số (dưới dạng: ảnh, âm thanh, dữ liệu văn bản, mô phỏng 3D, thực tế ảo...) các tài nguyên văn hóa dân tộc (di sản văn hóa, nghệ thuật truyền thống, lễ hội, ngôn ngữ, phong tục...) nhằm lưu trữ, bảo tồn, phổ biến các giá trị văn hóa dân tộc.

- Mức độ đổi mới sáng tạo trong phát huy giá trị văn hóa dân tộc (mã số 0412): là chỉ tiêu đo lường hiệu quả ứng dụng các ý tưởng sáng tạo và công nghệ mới (như AI, thực tế ảo, thực tế tăng cường...) để tái hiện và quảng bá các giá trị văn hóa dân tộc theo cách hiện đại, hấp dẫn, tạo ra các sản phẩm, dịch vụ văn hóa dân tộc có giá trị đối với kinh tế và xã hội.

4. Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường, đặc khu

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và phân công tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này, chủ động rà soát, phối hợp thu thập, tổng hợp thông tin, dữ liệu phục vụ tính toán của các chỉ tiêu liên quan thuộc phạm vi quản lý

b) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, đồng bộ của thông tin, dữ liệu; thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ hằng năm, gửi về Sở Khoa học và Công nghệ (theo nội dung, biểu mẫu hướng dẫn) để tổng hợp chung, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ, **trước ngày 25 tháng 3 hằng năm**.

c) Vận dụng Bộ tiêu chí vào công tác đánh giá hiệu quả hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong nội bộ cơ quan, đơn vị, địa phương; đồng thời lồng ghép các chỉ tiêu liên quan vào bộ chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương.

5. Báo và Phát thanh, Truyền hình An Giang

Chủ động phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa và Thể thao xây dựng kế hoạch, chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền, phổ biến, công khai kết quả đánh giá; giới thiệu các mô hình, điển hình tiên tiến trong việc áp dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Quyết định số 2244/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh An Giang. UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường, đặc khu và các đơn vị, tổ chức có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định. Trong quá trình triển khai nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị và địa phương thông tin về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Thống kê tỉnh;
- Trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh;
- Các doanh nghiệp KH&CN trên địa bàn tỉnh;
- Các Tổ chức KH&CN trên địa bàn tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình AG;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- Phòng KGVX;
- Lưu: VT, ntgiang.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Phong

PHỤ LỤC

Phân công giao nhiệm vụ các ngành, đơn vị, địa phương triển khai, thống kê các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh An Giang

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 240/KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh)

TT	Mã số	Nhóm, tên chỉ tiêu	Sở, ban ngành, đơn vị chủ trì, triển khai, thống kê các chỉ tiêu tại tỉnh An Giang	Sở, ban ngành, đơn vị phối hợp, triển khai, thống kê các chỉ tiêu tại tỉnh An Giang	Kỳ công bố	Nguồn số liệu	Ghi chú
I. Kết quả chuyển giao và ứng dụng							
1	0209	Số lượng hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được đăng ký và cấp phép	Sở Khoa học và Công nghệ	Các tổ chức, cá nhân liên quan	Năm	Chế độ báo cáo thống kê	Báo cáo gửi về UBND tỉnh, Bộ KHCN
2	0210	Giá trị các hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được đăng ký và cấp phép	Sở Khoa học và Công nghệ	Các tổ chức, cá nhân liên quan	Năm	Chế độ báo cáo thống kê	Báo cáo gửi về UBND tỉnh, Bộ KHCN
II. Tác động kinh tế							
3	0407	Doanh thu từ dịch vụ trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Thống kê tỉnh; Các doanh nghiệp dịch vụ hoạt động trong lĩnh vực KHCN ĐMST và CDS	Năm	Báo cáo hành chính	Báo cáo gửi về UBND tỉnh, Bộ KHCN
III. Tác động xã hội và môi trường							
4	0408	Tỷ lệ lao động làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ; Thống kê tỉnh; Các doanh nghiệp dịch vụ	Năm	Báo cáo hành chính	Báo cáo gửi về UBND tỉnh

				hoạt động trong lĩnh vực KHCN ĐMST và CDS			
5	0409	Tỷ lệ người dân được tiếp cận cơ hội học tập suốt đời	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành và địa phương liên quan	Năm	Báo cáo hành chính	Báo cáo gửi về UBND tỉnh và Sở Khoa học và Công nghệ
6	0410	Tỷ lệ đơn vị hành chính áp dụng hệ thống giám sát, quản lý thông minh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và địa phương liên quan	Năm	Báo cáo hành chính	Báo cáo gửi về UBND tỉnh và Sở Khoa học và Công nghệ
7	0411	Mức độ số hóa tài nguyên văn hóa dân tộc	Sở Văn hóa và Thể thao	Các sở, ban ngành liên quan; các địa phương	Năm	Báo cáo hành chính	Báo cáo gửi về UBND tỉnh và Sở Khoa học và Công nghệ
8	0412	Mức độ đổi mới sáng tạo trong phát huy giá trị văn hóa dân tộc	Sở Văn hóa và Thể thao	Các sở, ban ngành liên quan; các địa phương	Năm	Báo cáo hành chính	Báo cáo gửi về UBND tỉnh và Sở Khoa học và Công nghệ